NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

PHÁT ÂM LỆCH CHUẨN "ÂM BÌNH" VÀ "KHỨ THANH" TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI CỦA NGƯỜI HỌC VIỆT NAM (TRÊN CỨ LIỆU THỰC NGHIỆM PHÂN TÍCH)

NGUYỄN THỊ THÙY LINH*

TÓM TẮT: Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành phân tích thực nghiệm trên cứ liệu phát âm *âm bình* (阴平) và *khứ thanh* (去声) trong tiếng Hán phổ thông (汉语普通话) của người học Việt Nam; từ đó thống kê và phân loại những dạng phát âm lệch chuẩn phổ biến đối với hai thanh điệu này, chỉ ra nguyên nhân, theo đó, là giải pháp khắc phục.

TỪ KHÓA: tiếng Hán phổ thông/ hiện đại; người học Việt Nam; bình thanh; khứ thanh; phát âm lệch chuẩn; ngữ âm thực nghiệm.

NHẬN BÀI: 2/11/2021. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 19/1/2022

1. Đặt vấn đề

1.1. Tiếng Hán cũng giống như tiếng Việt, là ngôn ngữ có thanh điệu. Đối với người học tiếng Hán phổ thông (còn gọi là tiếng Hán hiện đại, tiếng Trung Quốc, tiếng Trung; từ đây gọi tắt là "tiếng Hán"), đặc điểm ngữ âm này giúp người học Việt Nam không xa lạ với thanh điệu và hiểu được tầm quan trọng của chúng (so với người Âu Mỹ học tiếng Hán). Tuy nhiên, sự giống nhau chỉ là hình thức "thanh điệu" còn đặc điểm về thanh điệu, cụ thể là của từng thanh điệu có khác nhau nên dễ gây nên sự nhầm lẫn mà một trong những biểu hiện là, người học Việt Nam thường áp dụng phương pháp thay thế thanh điệu tiếng Hán bằng các thanh điệu tương tự của tiếng Việt. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến sự lệch chuẩn trong phát âm thanh điệu, trong đó phổ biến nhất là phát âm lệch chuẩn "âm bình" (còn gọi là thanh 1) và "khứ thanh" (còn gọi là thanh 4) của tiếng Hán.

Phát âm lệch chuẩn có thể chỉ khiến người phát âm không đạt được sự hoàn thiện và tính chuẩn xác về phương diện ngữ âm, nhưng cũng có khi khiến người nói không đạt được mục đích giao tiếp. Điều này phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh. Ví dụ: người nói nhầm lẫn cách phát âm giữa hai từ *bēizi* (cái cốc) và *bèizi* (cái chăn), mà trong đó chúng chỉ khác nhau ở thanh điệu của âm tiết đầu tiên (*bēi* mang "âm bình" và *bèi* mang "khứ thanh"). Dưới đây là hai tình huống giao tiếp:

(1) Người nói và người nghe đang cùng ngồi ăn ở nhà hàng, người nói muốn rót nước cho đối phương, nhưng lại nói: *"给我你的 bèizi 吧。"* (Đưa tôi chăn của bạn đi.)

(2) Người nói đi siêu thị, cần mua cốc nhưng lại nói: *"我想买 bèizi。"* (Tôi muốn mua cái chăn.)

Trong tình huống (1), mặc dù người nói phát âm *âm bình* thành *khứ thanh* nhưng người nghe vẫn hiểu được người nói muốn truyền đạt điều gì. Tuy nhiên, trong tình huống (2), người nói cũng lặp lại cách phát âm lệch chuẩn như tình huống (1), nhưng vì không có ngữ cảnh cụ thể nên người nghe đã hiểu lầm khách hàng muốn mua chăn chứ không phải cái cốc, như vậy người nói đã không đạt được mục đích giao tiếp trong trường hợp này.

1.2. Cho đến nay, đã có những nghiên cứu về việc giảng dạy ngữ âm tiếng Hán như một ngoại ngữ, trong đó có nghiên cứu về thanh điệu nói chung, thanh điệu nói riêng. Chẳng hạn: "Diễn giải nguyên nhân đằng sau các lỗi phát âm thanh điệu phổ biến trong tiếng Trung của sinh viên Việt Nam" của Ngô Môn Cát và Hồ Minh Quang (2004); "Phân tích các lỗi phát âm thanh điệu phổ biến trong tiếng Trung của sinh viên Việt Nam và chiến lược giảng dạy" của Hán Minh (2005). Cả hai nghiên cứu này đều cho rằng, khứ thanh là trở ngại của sinh viên Việt Nam khi học thanh điệu tiếng Hán, "Sinh viên Việt Nam phát âm lệch chuẩn khứ thanh, nhầm lẫn giữa âm bình và khứ thanh.".

Từ góc độ thực nghiệm, đã có một số nghiên cứu về lỗi phát âm, chẳng hạn: khảo sát "Các lỗi phát âm thanh điệu tiếng Trung thường gặp của lưu học sinh Việt Nam", Lưu Hiểu Quân (2006) cho rằng, trong kĩ năng nghe và phân biệt thanh điệu, sinh viên Việt Nam dễ nhầm lẫn giữa âm bình và

* *Hà Nội; Email: auglinh@gmail.com*

khứ thanh, và đây là những lỗi sai phổ biến đã "hóa thạch" (fossilized errors[1]), âm vực của thanh không biến điệu thể hiện tập trung ở cao độ 33 và 44, còn âm bình và khứ thanh khi được đọc thành thanh đi xuống thì thường có cao độ 43, 52, 53, 54. Nguyễn Thị Thúy Quỳnh (2013) với "Nghiên cứu thực nghiệm về âm vực và trường độ thanh điệu trong từ tiếng Trung đơn âm tiết của sinh viên Việt Nam" đã thực hiện một nghiên cứu thực nghiệm về trường độ, âm điệu và âm vực của thanh điệu trong từ tiếng Hán đơn âm tiết của sinh viên Việt Nam và thấy rằng, âm vực không đạt chuẩn xuất hiện nhiều nhất ở âm bình và khứ thanh.

1.3. Trong bài viết này, chúng tôi tiến hành thực nghiệm và phân tích các cách phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh* của người học Việt Nam khi học tiếng Trung, từ đó tìm ra quy luật của các dạng phát âm lệch chuẩn phổ biến và quy nạp, phân loại chúng, cuối cùng đưa ra một số phương pháp giảng dạy có hiệu quả. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng ở đây là ngữ âm thực nghiệm.

2. Khái quát về thanh điệu trong tiếng Hán và trong tiếng Việt

Tiếng Hán có bốn thanh điệu, đó là *âm bình* (阴平), *dương bình* (阳平), *thượng thanh* (上声) và *khứ thanh* (去声). Tiếng Việt có sáu thanh điệu là thanh không dấu, thanh huyền, thanh ngã, thanh hỏi, thanh sắc và thanh nặng.

Bảng 1. *Thanh điệu trong tiếng Hán và trong tiếng Việt*

	Thanh điệu tiếng Hán				**Thanh điệu tiếng Việt**					
	Âm bình	Dương bình	Thượng thanh	Khứ thanh	*Thanh không dấu*	*Thanh huyền*	*Thanh ngã*	*Thanh hỏi*	*Thanh sắc*	*Thanh nặng*
Âm vực	55	35	214 (211)	51	44	32	325	323	45 (445)	31 (331)
Âm điệu	Bằng phẳng, âm vực cao	Đi lên, âm vực cao	Đi xuống, bằng phẳng	Đi xuống, âm vực cao	*Bằng phẳng, âm vực cao vừa*	*Đi xuống, âm vực trung*	*Từ âm vực trung đi xuống thấp vừa rồi gãy, đi lên âm vực cao*	*Từ âm vực trung đi xuống thấp vừa rồi đi lên*	*Đi lên, âm vực cao*	*Từ âm vực trung đi xuống âm vực thấp*

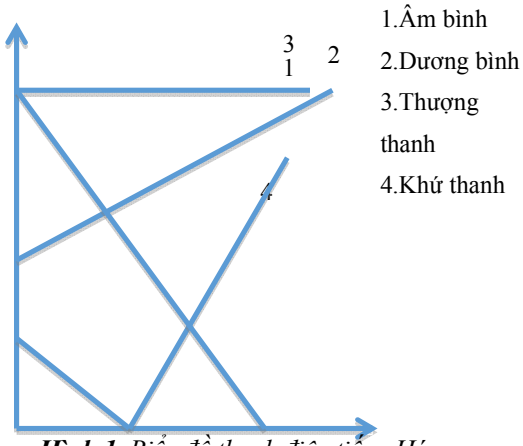
Nhận xét:

1) Cả tiếng Việt và tiếng Hán đều có thanh điệu bằng phẳng, cao độ không biến thiên; thanh bằng trong tiếng Việt có âm vực 44, thấp hơn một chút so với âm vực 55 của thanh bằng trong tiếng Hán.

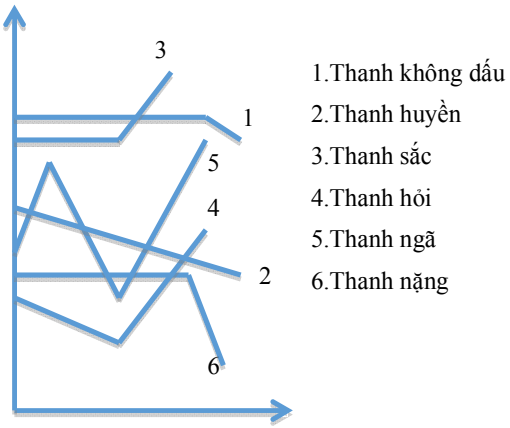
2) Thanh đi xuống 51 trong tiếng Hán có sự giảm xuống về cao độ tương đối rõ ràng và bắt đầu ở âm vực cao; trong khi thanh đi xuống trong tiếng Việt có quãng rơi không lớn, hơi đi xuống thoai thoải và cũng chỉ bắt đầu ở âm vực trung, ví dụ như thanh huyền 32, và thanh nặng 31 hoặc 331.

3) Thanh đi lên 35 trong tiếng Hán tương tự như thanh sắc của 45 (445) trong tiếng Việt, chỉ khác nhau về cao độ ở điểm bắt đầu.

4) Thanh gãy 214 (211) trong tiếng Hán thường chỉ xuất hiện với biến thể 211 trong giao tiếp hàng ngày, tức là chỉ đi xuống chứ không chuyển hướng đột ngột đi lên như thanh hỏi 323 trong tiếng Việt.



***Hình 1**. Biểu đồ thanh điệu tiếng Hán*



***Hình 2**. Biểu đồ thanh điệu tiếng Việt*

3. Thiết kế thực nghiệm

3.1. Lựa chọn đối tượng thực nghiệm

Đối tượng: sinh viên đại học năm thứ ba Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ (ULIS), Đại học Quốc gia Hà Nội (ULIS).

Số lượng: 24 sinh viên, trong đó có 13 nam và 11 nữ, trong độ tuổi từ 20 đến 23, đều đến từ các vùng miền Bắc Việt Nam; ngôn ngữ mẹ đẻ là tiếng Việt.

3.2. Thiết kế thực nghiệm

3.2.1. Thiết kế bảng chữ Hán thực nghiệm phát âm

30 chữ Hán trong bảng chữ Hán thực nghiệm phát âm đều được chọn từ danh sách chữ Hán cấp độ A của HSK, bao gồm 10 *âm bình*, 10 *khứ thanh*, 5 *dương bình* và 5 *thượng thanh*. Mục đích chính của việc lựa chọn cả *dương bình* và *thượng thanh* ở đây là để tìm ra điểm cao nhất và thấp nhất của quãng giọng. Các chữ Hán trong bảng cũng được chú thích thêm phiên âm để có thể loại bỏ những lỗi phát âm sai do người học nhận sai mặt chữ.

Để các âm tiết tương ứng với các chữ Hán trong bảng mang tính đại diện nhất có thể, khi lựa chọn mỗi thanh điệu, chúng tôi cố gắng bao hàm đầy đủ tứ hô（四呼：bốn nhóm âm trong tiếng Hán phân chia theo nguyên âm đầu của vận mẫu), và các thanh mẫu cũng bao gồm các bộ vị phát âm khác nhau như âm môi, chân răng, đầu lưỡi, mặt lưỡi và cuống lưỡi. Thiết nghĩ, các thanh mẫu và vận mẫu khác nhau có thể ảnh hưởng đến độ chính xác và độ khó của việc phát âm thanh điệu. Để tránh trong quá trình phát âm, đối tượng thực nghiệm phát âm âm tiết sau bị ảnh hưởng bởi âm tiết trước, chúng tôi đã sử dụng một bảng excel để sắp xếp ngẫu nhiên 30 chữ Hán này.

3.2.2. Quy trình thực nghiệm

Quy trình ghi âm: Đầu tiên, giải thích hình thức và quy trình ghi âm cho các đối tượng trước khi ghi âm. Sau đó, sử dụng phần mềm Audacity 2.0.5, đặt chế độ Mono, lượng tử hóa với độ sâu 16 bit, sử dụng micro mono để ghi âm lại phát âm của đối tượng và cuối cùng lưu bản ghi âm dưới dạng tệp định dạng wav. Đối tượng thực nghiệm đọc lớn, rõ ràng các chữ Hán trong bảng chữ Hán thực nghiệm phát âm và chỉ đọc mỗi chữ một lần. Khi đọc, nghỉ 2-3 giây ở giữa mỗi hai chữ Hán để tránh sự giao thoa lẫn nhau giữa các âm tiết liền kề.

Lấy mẫu: Sử dụng Audacity 2.0.5 để chuyển đổi một tệp sóng âm thanh thành các mẫu, nhận được 24 (đối tượng) x 30 (chữ) = 720 (mẫu), trong đó có âm bình: 240 mẫu; dương bình: 120 mẫu; thượng thanh: 120 mẫu; khứ thanh: 240 mẫu.

Trích xuất tần số cơ bản (fundamental frequency): Sử dụng Praat5376_mac64 để phân tích tệp sóng âm thanh. Nghiên cứu này chỉ đo các giá trị tần số cơ bản của 7 điểm bao gồm điểm bắt đầu và điểm kết thúc của *âm bình, dương bình, khứ thanh* và điểm thấp nhất của *thượng thanh*. Tổng cộng có 1320 dữ liệu tần số cơ bản, được nhập và lưu lại trong một tệp định dạng excel. Vì *dương bình* và

thượng thanh chỉ được sử dụng để giúp phân tích các âm vực cao và thấp trong phạm vi âm vực của người phát âm, nên cả điểm bắt đầu và điểm kết thúc của *thượng thanh* đều không được đo lường. Trong quá trình đo, dựa trên kinh nghiệm của những người đi trước[2], chúng tôi đã loại trừ phần cong hoặc không bằng phẳng ở hai đầu thanh điệu, những giá trị tụt dốc ở điểm kết thúc và các giá trị xấu.

Xử lí dữ liệu: Tự động chuyển đổi dữ liệu cao độ Hz sang giá trị T bằng thang đo thanh điệu 5 cao độ (công thức giá trị T). Công thức cho giá trị T như sau:

$$T = [(\lg x - \lg \min)/ (\lg \max - \lg \min)] x5$$

Trong đó max là giá trị trung bình của 10 giá trị cao nhất của tất cả các giá trị tần số, nghĩa là điểm cao nhất của quãng giọng; min là giá trị trung bình của 5 giá trị thấp nhất của tất cả các giá trị tần số, nghĩa là điểm thấp nhất của quãng giọng; x là tần số của điểm đo. Giá trị T chính xác đến hai chữ số thập phân. Dữ liệu tần số âm thanh của nam và nữ được xử lí riêng biệt. Sự tương ứng giữa giá trị T và hệ thống 5 cao độ là: 0 - 1 là 1 độ[3]; 1 - 2 là 2 độ; 2 - 3 là 3 độ; 3 - 4 là 4 độ; 4 - 5 là 5 độ (Shi Feng , 1990).

Sau khi chuyển đổi thành giá trị T, vì giá trị max được chọn là giá trị trung bình của 10 giá trị tần số cao nhất nên có một số tần số cao hơn giá trị trung bình trong bảng dữ liệu. Vì thế, giá trị T được chuyển đổi theo công thức vượt quá 5 hoặc thậm chí đạt đến 6 được thống nhất quy đổi thành cao độ 5 trên thang đo 5 cao độ. Tương tự, vì giá trị trung bình của 5 giá trị tần số thấp nhất của tất cả các giá trị tần số được coi là min, nên sẽ có một số tần số thấp hơn giá trị trung bình trong bảng dữ liệu. Tất cả các giá trị T được chuyển đổi theo công thức nhỏ hơn 0 đều được phân loại là cao độ 1 độ trên thang đo 5 cao độ.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả

4.1.1. Kết quả phân tích thực nghiệm

Chúng tôi trích xuất tần số cơ bản của các mẫu sóng âm thanh được ghi âm và quy đổi chúng thành các giá trị trên thang đo thanh điệu 5 cao độ.

***Bảng 2**. Thống kê kết quả thực nghiệm phát âm*

Âm bình	**Tần suất（Tỉ lệ）**	**Khứ thanh**	**Tần suất（Tỉ lệ）**
44	122（50,83%）	53	50（20,83%）
33	48（20,0%）	54	47（19,58%）
43	34（14,17%）	42	36（15,0%）
34	14（5,83%）	52	31（12,92%）
54	10（4,17%）	43	27（11,25%）
55	9（3,75%）	41	20（8,33%）
42	2（0,83%）	51	10（4,17%）
45	1（0,42%）	44	9（3,75%）
		55	6（2,50%）
		31	3（1,25%）
		33	1（0,42%）

Nhận xét:

1) Đa số người học Việt Nam đọc *âm bình* là 44 (chiếm 50,83%) hoặc 33 (chiếm 20%); chỉ có một số người học phát âm *âm bình* là 55, chiếm 3,75%.

2) Cách người học Việt Nam phát âm *khứ thanh* không đồng đều và khá phức tạp: 53 (chiếm 20,83%), 54 (chiếm 19,58%), 42 (chiếm 15%), ngoài ra, 52 và 43 cũng chiếm tỉ lệ không nhỏ. *Âm bình* đọc thành 51 chỉ đạt 4,17%. Tất nhiên, từ các tài liệu liên quan có thể thấy rằng khi người Trung Quốc đọc các từ đơn âm tiết, họ cũng thường không đọc đầy đủ thanh đi xuống 51[4]. Tuy nhiên, so với người Trung Quốc, người học Việt Nam khi phát âm *khứ thanh*, sự giảm xuống của cao độ tương đối ít. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xếp cách phát âm *khứ thanh* 52 của người học Việt Nam vào nhóm phát âm chuẩn, vì trong tài liệu liên quan, các phát thanh viên truyền hình Trung Quốc cũng có nhiều trường hợp phát âm *khứ thanh* thành 52.

4.1.2. Các dạng phát âm lệch chuẩn

Dựa trên số liệu thống kê kết quả thực nghiệm phát âm, chúng tôi tổng kết các dạng phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh* như sau:

1) *Âm bình* đọc thành thanh bằng, nhưng có âm vực hơi thấp hơn so với tiêu chuẩn, chẳng hạn như thanh bằng cao vừa 44, thanh bằng âm vực trung 33.

2) Âm bình có âm điệu không bằng phẳng, nhưng tổng thể âm vực vẫn tương đối cao, có thể là thanh đi xuống 54, hoặc thanh đi lên 45.

3) *Âm bình* có âm điệu không bằng phẳng và âm vực cũng hơi thấp hơn so với tiêu chuẩn, hoặc được đọc thành thanh đi xuống 43, 42 hoặc thanh đi lên 34.

4) *Khứ thanh* đọc thành thanh bằng âm vực cao 55.

5) *Khứ thanh* đọc thành thanh bằng, nhưng âm vực hơi thấp hơn so với tiêu chuẩn, chẳng hạn như thanh bằng cao vừa 44 thanh bằng âm vực trung 33.

6) Điểm xuất phát của *khứ thanh* cao, nhưng không có độ giảm về cao độ rõ rệt, chẳng hạn như 54, 53.

7) Điểm xuất phát của khứ thanh hơi thấp hơn so với tiêu chuẩn, nhưng có độ giảm về cao độ rõ rệt, chẳng hạn như 41.

8) Điểm xuất phát của *khứ thanh* hơi thấp hơn so với tiêu chuẩn, và cũng không có độ giảm về cao độ rõ rệt, chẳng hạn như 43, 42, 31.

Các dạng phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh* và tỉ lệ của chúng được thể hiện trong Bảng 3.

***Bảng 3**. Các dạng phát âm lệch chuẩn âm bình và khứ thanh*

Các dạng phát âm lệch chuẩn âm	Số lần (Tỉ lệ)
Âm bình（+bằng phẳng -âm vực cao）（44, 33）	170（70,83%）
Âm bình（- bằng phẳng +âm vực cao）（54, 45）	11（4,58%）
Âm bình（-bằng phẳng -âm vực cao）（43, 42, 34）	50（20,83%）
Khứ thanh（+âm vực cao +bằng phẳng）（55）	6（2,50%）
Khứ thanh（-âm vực cao +bằng phẳng）（44, 33）	10（4,17%）
Khứ thanh（+âm vực cao -có độ giảm về cao độ rõ rệt）（54, 53）	97（40,42%）
Khứ thanh（-âm vực cao +có độ giảm về cao độ rõ rệt）（41）	20（8,33%）
Khứ thanh（-âm vực cao -có độ giảm về cao độ rõ rệt）（42, 31）	66（27,50%）

4.2. Thảo luận: phân tích nguyên nhân phát âm lệch chuẩn và đề xuất phương pháp giảng dạy

Kết hợp với việc phân tích kết quả của thực nghiệm phát âm, chúng tôi nhận thấy nguyên nhân dẫn tới việc phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh* trong tiếng Hán của người học Việt Nam có thể chia thành 5 nguyên nhân sau và tương ứng với mỗi nguyên nhân, chúng tôi gợi ý đưa ra các phương pháp giảng dạy nhằm khắc phục vấn đề này.

***Thứ nhất**, chuyển di tiêu cực từ ngôn ngữ mẹ đẻ :* Các dạng phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh* trong tiếng Hán của người học Việt Nam phần lớn là do chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ. Bởi vì tiếng Việt không có thanh điệu nào bắt đầu từ cao độ 5 nên khi người học Việt Nam phát âm *âm bình* và *khứ thanh*, âm vực của *âm bình* và điểm xuất phát của *khứ thanh* đều không đủ cao, hầu hết là 4, hoặc là 3. Sinh viên Việt Nam thường nghe *âm bình* thành *khứ thanh* và ngược lại, điều này ảnh hưởng đến quá trình học từ vựng tiếng Hán, tức là, dễ nhầm lẫn những chữ mang *âm bình* và *khứ thanh*. Hơn nữa, do họ không nhận ra điều này trong một thời gian dài hoặc không được người dạy chỉnh sửa kịp thời, dẫn đến không thể phân biệt được hai thanh điệu này cả khi nghe hiểu và phát âm. Do đó, nếu chỉ nhìn vào chữ Hán (không có phiên âm), người học Việt Nam thường đọc những chữ Hán mang *âm bình* thành *khứ thanh*, hoặc chữ Hán mang *khứ thanh* thành *âm bình*. Sau khi những thói quen phát âm này bị "hóa thạch", rất khó để phát âm chính xác ngay cả khi có phiên âm nhắc nhở.

Để tránh chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ, trước khi dạy thanh điệu tiếng Hán, người dạy nên giới thiệu ngắn gọn kiến thức liên quan về thanh điệu tiếng Hán và bổ sung thêm phần giảng giải "đặc điểm thanh điệu" vào bài học để giúp học sinh hiểu ý nghĩa của thanh điệu và nhận biết sự khác nhau giữa thanh điệu tiếng Việt và thanh điệu tiếng Hán. Trong quá trình dạy thanh điệu, người dạy cần nêu rõ những khó khăn khi phát âm *âm bình* và *khứ thanh*, chỉ ra một số lỗi thường gặp và nhắc nhở người học chú ý các thanh điệu khác nhau về âm điệu trong tiếng Việt và tiếng Hán để tránh lặp lại những lỗi giống nhau.

***Thứ hai**, phương pháp giảng dạy:* Cho đến nay, vẫn còn một số phương pháp dạy học chưa khoa học và chưa hiệu quả trong dạy học ngữ âm tiếng Hán ở Việt Nam. Trước hết, khi giáo viên dạy thanh điệu tiếng Hán cho người học, họ thường sử dụng các thanh điệu tương tự trong tiếng Việt để thay thế các thanh trong tiếng Hán, chẳng hạn như, thay *âm bình* bằng thanh không dấu, thay *dương bình* bằng thanh sắc, thay *thượng thanh* bằng thanh hỏi và thay *khứ thanh* bằng thanh huyền. Ngoài ra, việc giảng dạy thanh điệu tiếng Hán không được thực hiện đồng thời với việc truyền thụ kiến thức về thanh điệu tiếng Hán, dẫn đến việc người học không nắm vững được âm điệu và âm vực của bốn thanh điệu trong tiếng Hán, vì vậy mà mắc các lỗi trong nghe hiểu và phát âm. Thứ hai, phương pháp dạy tiếng Hán chủ yếu ở Việt Nam là phương pháp giảng dạy flow of speech（语流）. Trong giai đoạn học ngữ âm, khi người học còn chưa nắm vững cách phát âm cơ bản của tiếng Hán, đã phải đồng thời chịu thêm gánh nặng về từ vựng, ngữ pháp, chữ Hán, nên không thể dành đủ thời gian và công sức cho các trọng điểm của giai đoạn học ngữ âm. Ở các giai đoạn khác, người dạy thường ít chú ý đến dạy phát âm, đặc biệt là thanh điệu tiếng Hán, yêu cầu thấp về độ chính xác của phát âm và không theo đuổi chuẩn mực về ngữ âm tiếng Hán. Người học dần dần mắc lỗi phát âm lệch chuẩn, sau này chúng trở nên "hóa thạch", và cuối cùng số đông những người học Việt Nam đều nói tiếng Hán với những dạng phát âm lệch chuẩn tương tự nhau.

Chúng ta nên lựa chọn một số phương pháp giảng dạy khoa học và hiệu quả để áp dụng vào việc dạy thanh điệu tiếng Hán, chẳng hạn như, sử dụng biểu đồ thanh điệu tiếng Hán để truyền thụ kiến thức thanh điệu của ngôn ngữ đích, đồng thời liên tục tăng cường các bài tập luyện phát âm, đặt ra yêu cầu cao về phương diện ngữ âm cho người học ở giai đoạn cơ bản. Người dạy cũng có thể giải thích chức năng biểu âm của các bộ trong loại chữ Hán hình thanh（形声字）khi giảng dạy chữ Hán, điều này sẽ giúp học sinh nhanh chóng nắm vững cách phát âm của các chữ Hán. Ngoài ra, có thể sử dụng ngôn ngữ cử chỉ (bằng tay) trong việc mô tả thanh điệu tiếng Hán để giúp người học ghi nhớ cách phát âm của chữ Hán. Phương pháp này vừa trực quan, vừa dễ dàng thực hiện. Cùng với đó, tận dụng đặc điểm âm điệu đi lên của *dương bình* (cao độ tăng dần), khi luyện tập phát âm *âm bình* và *khứ thanh*, người dạy có thể yêu cầu người học phát âm *dương bình* trước, liền ngay sau đó phát âm *âm bình* hoặc *khứ thanh*, với mục đích là nhằm giúp cho điểm xuất phát của *âm bình* và *khứ thanh* cao nhất có thể, đạt gần tới cao độ 5.

***Thứ ba**, ảnh hưởng của những đặc tính dư thừa* (羡余特征): Những thành tố dư thừa thường thuộc về thông tin dư thừa trong giao tiếp, là những thành tố không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và hiểu các thông tin trong giao tiếp. Nhiều người Việt Nam học tiếng Hán vô tình coi những phát âm lệch chuẩn thanh điệu trong tiếng Hán của mình là những thành tố dư thừa trong giao tiếp tiếng Hán. Mặc dù nói tiếng Hán với những dạng phát âm lệch chuẩn điển hình nhưng họ không cảm thấy khó khăn khi giao tiếp, đặc biệt là khi giao tiếp với các bạn học cũng có những dạng phát âm lệch chuẩn này, do vậy, họ thấy hài lòng với cách phát âm của bản thân, không đòi hỏi phải chỉnh sửa lại chúng.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của những đặc tính dư thừa, người dạy cần nâng cao yêu cầu về phát âm của người học và kiên trì chỉnh sửa lại các phát âm lệch chuẩn. Đồng thời, những người học Việt Nam cũng nên nhận thấy rằng việc phát âm thanh điệu tiếng Hán bị lệch chuẩn không chỉ ảnh hưởng đến tổng thể bề mặt ngữ âm tiếng Trung mà đôi khi còn ảnh hưởng đến quá trình giao tiếp với người Trung Quốc.

***Thứ tư**, ảnh hưởng từ bản thân người dạy phát âm lệch chuẩn:* Ngôn ngữ trung gian (interlanguage) là một hiện tượng tồn tại trong bất kì việc học ngôn ngữ thứ hai nào. Cách phát âm của người dạy tiếng Hán tại Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp đến độ chính xác trong phát âm của người học. Trong quá trình học tiếng Hán, người học tiếp thu việc giảng dạy thanh điệu không phải là thanh điệu tiếng Hán quy chuẩn, mà là cách phát âm lệch chuẩn của tiếng Hán trung gian. Nếu người dạy phát âm thanh điệu tiếng Hán không chuẩn thì nhất định sẽ trở thành một trong những tác nhân chính dẫn đến học sinh phát âm lệch chuẩn thanh điệu.

Để cố gắng loại bỏ tác động tiêu cực của tiếng Hán trung gian từ người dạy đối với học sinh, khi tuyển dụng đội ngũ giáo viên, nên lựa chọn những người phát âm tiếng Hán về cơ bản gần với tiếng Hán phổ thông tiêu chuẩn nhất để giảng dạy tiếng Hán giai đoạn sơ cấp và nâng cao trình độ ngôn ngữ cũng như giảng dạy của toàn bộ đội ngũ giáo viên.

***Thứ năm**, thái độ, phương pháp học tập, môi trường và yếu tố tâm lí của người học:* Nếu người dạy không sắp xếp những bài tập luyện phát âm bắt buộc, người học thường hiếm khi tự giác luyện phát âm, và cũng không chủ động tìm cách để cải thiện trình độ tiếng Hán của mình. Nếu thời gian dành cho rèn luyện bốn kĩ năng nghe, nói, đọc, viết qua ít thì gần như không tự mình tạo ra môi trường tiếng để tiếp xúc với tiếng Hán tiêu chuẩn. Môi trường học tập không lí tưởng, không có phương pháp học tập khoa học và hiệu quả sẽ gây ra những phát âm lệch chuẩn về mọi mặt trong phát âm tiếng Hán. Ngoài ra, trong bốn thanh điệu của tiếng Hán, đa số người học Việt Nam cảm thấy việc phát âm khứ thanh khó và mất sức nên tạo ra trở ngại tâm lí khi phát âm khứ thanh.

Người dạy nên tìm hiểu và giúp loại bỏ những chướng ngại tâm lí của người học, đồng thời tạo hứng thú học phát âm cho người học. Bên cạnh đó, cố gắng tạo ra môi trường tiếng Hán lí tưởng để học ngữ âm cho người học. Hiện nay cũng có rất nhiều sinh viên Trung Quốc đang theo học tại Việt Nam nên các thầy cô có thể tổ chức một số hoạt động giao lưu để sinh viên Việt Nam tiếp cận nhiều hơn với tiếng Trung chuẩn mực. Hoặc, trường có thể xây dựng các học phần mang tính giải trí hơn, chẳng hạn như các học phần nghe, nhìn, nói giới thiệu về điện ảnh Trung Quốc hay lồng các bài hát tiếng Trung vào bài giảng, như thế người học vừa học cách phát âm tiếng Hán trong các khóa học này cùng lúc có thể tạo cho lớp học không khí thoải mái, vui vẻ.

5. Kết luận

Ngữ âm là bộ mặt của người học ngôn ngữ. Thậm chí, đôi khi việc dạy phát âm cũng đóng vai trò quyết định đến sự thành bại của việc dạy ngoại ngữ. Vì vậy, chỉ khi làm tốt công việc giảng dạy ngữ âm tiếng Hán thì người học tiếng Hán mới có thể nói được tiếng Hán lưu loát. Để cải thiện việc giảng dạy thanh điệu tiếng Hán cho người Việt Nam, việc nghiên cứu và phân tích thực nghiệm phát âm lệch chuẩn của người học là một phương tiện không thể thiếu.

Kết quả của nghiên cứu này cho thấy người Việt Nam học tiếng Hán có xu hướng phát âm lệch chuẩn *âm bình* và *khứ thanh*. *Âm bình* thường được phát âm ở âm vực cao vừa 44, âm vực trung 33 hoặc với âm điệu đi xuống 54, 43 và âm điệu đi lên 45; *khứ thanh* đọc thành thanh bằng 55, 44, 33, hoặc thanh đi xuống nhưng không có sự giảm về cao độ rõ rệt, chẳng hạn như 54, 53, 43, 42. Kết quả này hi vọng sẽ hữu ích cho người học Việt Nam học thanh điệu tiếng Trung và những người tham gia giảng dạy thanh điệu tiếng Trung cho người Việt Nam.

Chú thích:

[1] Là một khái niệm trong đắc thụ ngôn ngữ thứ hai, để chỉ những lỗi mà người học mắc lại nhiều lần và hầu như không có khả năng sửa chữa cho dù người học có được nhắc nhở hay tự nhận thức được.

[2] Thông tin cao độ của thanh điệu chỉ liên quan tới giá trị tần số cơ bản F0 của đoạn thanh điệu (Ngô Tông Tế, Lâm Mậu Xán, 1989)

[3] Dữ liệu của giá trị T nằm giữa 0 và 1 đều được quy đổi thành cao độ 1 trong thang đo 5 cao độ của thanh điệu tiếng Trung

[4] Dựa trên nghiên cứu của Dương Hồng Vinh (2008) "Nghiên cứu thực nghiệm thanh điệu tiếng Trung Quốc phổ thông"

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đoàn Thiện Thuật (2007), *Ngữ âm tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khang (2010), "Đối chiếu song ngữ Hán-Việt: Những vấn đề lí luận và thực tiễn", Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 8.

Tiếng Hán

3. 陈钰、武青春 （2008），越南留学生的汉语声调学习难点探究，《绍兴文理学院学报(教育教学研究版)》，第 28 卷第 12 期。
4. 国家汉办 （2001），《汉语水平词汇与汉字等级大纲》，经济科学出版社。
5. 韩明 （2005），越南留学生声调偏误分析及教学对策，《玉林师范学院学报》，第 26 卷第 2 期。
6. 刘晓军 （2006），《越南留学生汉语声调偏误实验分析》，广西大学硕士论文。
7. 毛丽（2007），声调偏误与对外汉语声调教学研究综述，《湖南第一师范大学》，第 7 卷第 2 期。
8. 彭茹、刘珊珊、赵斌 （2009），对外汉语声调教学探讨，《百色学院学报》，第 22 卷第 6 期。
9. 阮氏翠琼 （2013），《越南学生汉语单字调音高与时长的实验研究》，华东师范大学硕士论文。
10. 阮氏发 （2012），《越南语声调与越南学生习得汉语单字调的实验分析》,天津师范大学硕士论文。
11. 宋益丹 （2009），对外汉语声调教学策略探索，《语言教学与研究》，第 3 期。
12. 吴门吉 、胡明光 （2004），越南学生汉语声调偏误溯因，《世界汉语教学》，第 2 期。
13. 杨洪荣（2008），普通话声调的实验研究，《第八届中国语音学学术会议论文集》。
14. 杨林、高明扬（2010），越南留学生汉语声调习得偏误量化及成因分析，《云南农业大学学报(社会科学版)》，第 4 卷第 6 期。
15. 张洪健（2012），对外汉语声调习得研究综述。《外国语文》第 1 期。

Vietnamese learners' nonstandard pronunciation of "Yin ping" and "Qu sheng" in modern Chinese

Abstract: This paper analyzes the Vietnamese learners' pronunciation experiment of modern Chinese's *Yin ping* (阴平; first tone) and *Qu sheng* (去声); forth tone; from there, statistics and classification of common standard deviation pronunciations for these two tones, indicate the causes, and accordingly, solutions to overcome

Key words: Vietnamese learners; *Yin ping* (阴平; first tone); and *Qu sheng* (去声; forth tone); nonstandard pronunciation; experimental phonetics.